

Bản án số: 3841/2022/DS-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đinh Thị Thảo
2. Ông Bùi Quang Chính

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Xuân Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Phong - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử B Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 384/2022TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6417/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần K

Trụ sở: 191 Bà Triệu, phường L, quận H, TP N.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 15, số 9-11 Tôn Đức Thắng, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền nguyên đơn: Bà Không Thị Minh N ( có mặt)

*Bị đơn:* Ông Lâm Thy P sinh năm 1980 ( vắng mặt)

Bà Lê Thị Xuân T, sinh năm 1982 ( vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Căn hộ B02-14 Chung cư S, số 702, phường H, thành phố T.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Công ty cổ phần phát triển thành phố X

Địa chỉ: 72 đường L, phường B, Quận 1.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nh ( vắng mặt)

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Vincom Megamal, 161, phường Th, thành phố T.

Bà Hoàng Nhật L, sinh năm 1996 ( vắng mặt)

Địa chỉ: S1.010418 tầng 4 V, đường N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN THẤY:**

Trong đơn khởi kiện ngày 21/4/2022 và lời khai tại tòa, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần K do bà Không Thị Minh N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 15/8/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần K (gọi tắt Ngân hàng) và ông Lâm Thy P, bà Lê Thị Xuân T có ký hợp đồng tín dụng số TCU 201966496928/HDTD nội dung: Ngân hàng cho ông P và bà T vay số tiền 943.841.036 đồng, thời hạn vay 420 tháng (từ 21/8/2019 đến 21/8/2054), lãi suất thả nổi, trả lãi tiền vay 01tháng/1lần, nợ gốc trả thành 402 kỳ vào ngày 20 hàng tháng.

Ngày 17/8/2019 ông Lâm Thy P và bà Lê Thị Xuân T ký hợp đồng thế chấp số TCU201966496928/HBTC thế chấp Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ S1.010418/VHGP/HĐMBCH ngày 15/8/2019 giữa ông P, bà T với Công ty cổ phần phát triển Thành phố X về việc mua căn hộ số 418 tầng 4 thuộc tòa nhà S1.01(25Z1) tại lô đất A10 (II.4) tại phường L, Quận 9 ( nay là thành phố T) thuộc Dự án Khu dân cư và Công viên Phước Thiện để đảm bảo cho khoản vay trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P và bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết, chỉ trả 1 kỳ gốc 2.384.000 đồng và trả lãi trong hạn 125.387.928 đồng. Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc ông P, bà T trả nợ tuy nhiên ông P và bà T cố tình trốn tránh, không hợp tác trả nợ cho Ngân hàng. Đến ngày 29/9/2022 ông P và bà T còn nợ gốc 941.493.036 đồng và lãi trong hạn 132.211.996 đồng, lãi quá hạn và lãi phạt 12.818.620 đồng.

Ngoài ra, ngày 24/10/2019 Ngân hàng ký Hợp đồng thế tín dụng số TTD-01 với ông Lâm Thy P và đã cấp thế tín dụng hạn mức 100.000.000 đồng cho ông P. Ông P còn nợ thế 40.398.163 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P và bà T thanh toán số nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngày 15/8/2019 và từ thế nêu trên cho Ngân hàng ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông P, bà T không thanh toán đầy đủ các khoản nợ, đề nghị được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm trên để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Lâm Thy P, bà Lê Thị Xuân T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Nhật L đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo hòa giải cho ông P, bà T, bà L hợp lệ nhưng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án để làm bản khai, hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến về việc đã trả số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần phát triển Thành phố X ( gọi tắt Công ty) trình bày: Công ty là chủ đầu tư Dự án Khu dân cư và Công viên PH (V) tại phường L1 và phường L2, thành phố T. Ngày 15/8/2019 Công ty và ông Lâm Thy P ký kết Hợp đồng mua bán căn hộ số S1.01418. Giá trị Hợp đồng 1.366.609.674 đồng. Ông P đã thanh toán 1.280.599.141 đồng và 24.493.254 đồng kinh phí bảo trì nhà chung cư. Ông P còn phải thanh toán số tiền 61.517.279 đồng (không bao gồm VAT). Công ty đã bàn giao căn hộ cho ông P và dừng thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Công ty thấy đây là quan hệ giữa ông P và Ngân hàng, Công ty không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Trường hợp Tòa án xét xử và tuyên Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm là căn hộ trên để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông P với Ngân hàng thì việc xử lý tài sản cần tuân thủ theo Thỏa thuận về việc quản lý, xử lý tài sản bảo đảm tại Ngân hàng được ký kết giữa các bên ngày 21/8/2019. Công ty đề nghị vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, gồm cả phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án.

Tại phiên tòa, Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu ông Lâm Thy P và bà Lê Thị Xuân T trả ngay số tiền gốc còn nợ là 941.493.036 đồng, lãi trong hạn 132.211.996 đồng, lãi quá hạn và lãi phạt 12.818.620 đồng theo Hợp đồng tín dụng số TCU 201966496928/HDTD ngày 15/8/2019 và nợ thẻ 40.398.163 đồng, cùng lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký và lãi phát sinh từ thẻ theo quy định đối với thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ này. Trường hợp ông P và bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ S1.010418/VHGP/HĐMBCH ngày 15/8/2019 giữa ông P, bà T với Công ty cổ phần phát triển Thành phố X về việc mua căn hộ số 418 tầng 4 thuộc tòa nhà S1.01(25Z1) tại lô đất A10 (II.4) tại phường L, thành phố T thuộc Dự án Khu dân cư và Công viên PH để thu hồi nợ. Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng tự nguyện chịu.

Bị đơn ông Lâm Thy P, bà Lê Thị Xuân T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Nhật L, đại diện Công ty cổ phần Thành phố X vắng mặt tại phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo qui định của pháp luật. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử từ ngày thụ lý vụ án đến ngày đưa vụ án ra xét xử có vi phạm thời hạn theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội

quy phiên tòa. Đương sự, đại diện ủy quyền đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, văn bản ủy quyền hợp lệ.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần K kiện đòi ông Lâm Thy P và bà Lê Thị Xuân T trả số tiền vay và lãi nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn cư trú tại phường H, thành phố T nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lâm Thy P và bà Lê Thị Xuân T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Nhật L, đại diện Công ty cổ phần phát triển Thành phố X đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung, xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Căn cứ hợp đồng tín dụng số TCU 201966496928/HDTD ngày 15/8/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với ông Lâm Thy P, bà Lê Thị Xuân T và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/8/2019 có cơ sở để xác định ông P và bà T có vay Ngân hàng số tiền 943.841.036 đồng, thời hạn vay 420 tháng (từ ngày 21/8/2019 đến ngày 21/8/2054), trả lãi tiền vay 01tháng/1 lần, nợ gốc trả thành 402 kỳ vào ngày 20 hàng tháng.

Ngày 18/5/2022, Tòa án thụ lý vụ tranh chấp hợp đồng vay tài sản do Ngân hàng thương mại cổ phần K kiện yêu cầu bà Lê Thị Xuân T, ông Lâm Thy P trả số tiền vay và lãi còn nợ Ngân hàng. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo hòa giải cho ông P, bà T, bà L hợp lệ nhưng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án để làm bản khai, hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến về việc đã trả số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Bảng tổng hợp gốc, lãi thì tính đến ngày 29/9/2022, ông P và bà T còn nợ gốc 941.493.036 đồng và lãi trong hạn 132.211.996 đồng, lãi quá hạn và lãi phạt là 12.818.620 đồng.

Xét việc ông P, bà T không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận hợp đồng là vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng nên yêu cầu của Ngân hàng buộc ông P, bà T trả số nợ gốc 941.493.036 đồng, lãi trong hạn 132.211.996 đồng, lãi quá hạn và lãi phạt

12.818.620 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ này là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Căn cứ Hợp đồng thế chấp số TCU201966496928/HDTC ngày 17/8/2019, ông P và bà T đã thế chấp quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ S1.010418/VHGP/HĐMBCH ngày 15/8/2019 giữa ông P, bà T với Công ty cổ phần phát triển Thành phố X về việc mua căn hộ số 418 tầng 4 thuộc tòa nhà S1.01(25Z1) tại lô đất A10 (II.4) tại phường L, thành phố T thuộc Dự án Khu dân cư và Công viên PH để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của ông bà với Ngân hàng gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác.

Căn cứ Đăng ký giao dịch bảo đảm/hợp đồng -1338690976 thì căn hộ nêu trên được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/8/2019 cho Ngân hàng thương mại cổ phần K. Như vậy Hợp đồng thế chấp số TCU201966496928/HDTC ngày 17/8/2019 giữa ông P, bà T với Ngân hàng thương mại cổ phần K có hiệu lực.

Căn cứ thỏa thuận về việc quản lý, xử lý tài sản tại Ngân hàng ngày 21/8/2019 giữa Ngân hàng, Chủ đầu tư và ông P tại khoản 4.3 Điều 4 quy định trường hợp bên vay vi phạm hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng xử lý tài sản theo đúng quy định của hợp đồng thế chấp.

Do đó yêu cầu của Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ S1.010418/VHGP/HĐMBCH ngày 15/8/2019 giữa ông P, bà T với Công ty cổ phần phát triển Thành phố X về việc mua căn hộ số 418 tầng 4 thuộc tòa nhà S1.01(25Z1) tại lô đất A10 (II.4) tại phường L, thành phố T thuộc Dự án Khu dân cư và Công viên PH trong trường hợp ông P, bà T không thanh toán toàn bộ số tiền trên cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về thẻ tín dụng: Theo Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số TTD-01 ngày 24/10/2019 và ký xác nhận thẻ ngày 12/11/2019 thì ông Lâm Thy P đứng tên thẻ visa 19734696359010, hạn mức sử dụng 100.000.000 đồng.

Theo Bảng tổng hợp số dư tài khoản thẻ 19734696359010 thì phí phát sinh từ ngày 18/11/2019 đến ngày 20/9/2022 còn phải thanh toán là 40.398.163 đồng. Do đó ông Lâm Thy P và bà Lê Thị Xuân T cùng có trách nhiệm liên đới trả số nợ này cho Ngân hàng.

[5] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[6] Án phí: Ông Lâm Thy P và bà Lê Thị Xuân T phải nộp án phí trên số tiền 1.126.921.815 đồng là  $(36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times 326.921.815 \text{ đồng}) = 45.807.654 \text{ đồng}$ .

Ngân hàng thương mại cổ phần K không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tạm ứng án phí đã nộp 21.986.933 đồng theo biên lai số AA/2021/0026963 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Từ những nhận định và phân tích trên xét thấy phát biểu của kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu án phí là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 131, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các điều 317, 319, 323, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.**

Buộc ông Lâm Thy P và bà Lê Thị Xuân T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 941.493.036 đồng và lãi trong hạn 132.211.996 đồng, lãi quá hạn và lãi phạt là 12.818.620 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/9/2022, ông Lâm Thy P và bà Lê Thị Xuân T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số TCU 201966496928/HDTD ngày 15/8/2019 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/8/2019. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông P, bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Khi ông Lâm Thy P và bà Lê Thị Xuân T thanh toán hết toàn bộ số nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có trách nhiệm trả lại cho ông Lâm Thy P và bà Lê Thị Xuân T bản chính các giấy tờ liên quan đến căn hộ số 418 tầng 4 thuộc tòa nhà S1.01 (25Z1) tại lô đất A10 (II.4) tại phường L, thành phố T thuộc Dự án Khu dân cư và Công viên PH đã nhận từ Công ty cổ phần phát triển Thành phố X.

Trường hợp ông Lâm Thy P và bà Lê Thị Xuân T không thanh toán hết số nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ S1.010418/VHGP/HĐMBCH ngày 15/8/2019 giữa ông P, bà T với Công ty cổ phần phát triển Thành phố X về việc mua căn hộ số 418 tầng 4 thuộc tòa nhà S1.01(25Z1) tại lô đất A10 (II.4) ( mã căn/tầng/Tòa nhà này có thể điều chỉnh theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ đầu tư tại từng thời điểm ) có địa chỉ tại phường L, Quận 9 ( nay là thành phố Thủ Đức), Thành

phố Hồ Chí Minh thuộc Dự án Khu dân cư và Công viên PH ( V hoặc tên gọi khác theo quyết định của chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền tại từng thời điểm) do Công ty cổ phần phát triển Thành phố X làm chủ đầu tư theo Hợp đồng thế chấp số TCU201966496928/HDTC ngày 17/8/2019, đăng ký giao dịch bảo đảm số 1338690976 ngày 23/8/2019.

Việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên phải tuân thủ thỏa thuận của các bên tại Thỏa thuận về việc quản lý, xử lý tài sản tại Ngân hàng ngày 21/8/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K, Công ty cổ phần phát triển Thành phố X, với ông Lâm Thy P, bà Lê Thị Xuân T.

2. Buộc ông Lâm Thy P và bà Lê Thị Xuân T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền nợ phát sinh từ thẻ tín dụng số 19734696359010 là 40.398.163 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/9/2022, ông Lâm Thy P và bà Lê Thị Xuân T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số TTD-01 ngày 24/10/2019. Trường hợp trong Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/10/2019, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng phát hành thẻ thì lãi suất mà ông P, bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng phát hành thẻ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng phát hành thẻ.

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng thương mại cổ phần K tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Án phí: Ông Lâm Thy P và bà Lê Thị Xuân T phải nộp án phí 45.807.653 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức.

Ngân hàng thương mại cổ phần K không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tạm ứng án phí đã nộp 21.986.933 đồng theo biên lai số AA/2021/0026963 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( đã ký)**

**Nguyễn Thị Phương Thảo**